

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn
Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp
xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và
Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung
về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của
Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng
vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các
quy định của pháp luật có liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2009
của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Lang
Chánh, huyện Lang Chánh đến năm 2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2020 của
UBND tỉnh về việc phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020
đạt mục tiêu đô thị hóa 35%;*

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 5978/SXD-QH ngày 25 tháng 9 năm 2020 về việc nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 (kèm theo Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Lang Chánh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới:

Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Lang Chánh và một phần diện tích xã Đồng Lương (cập nhật quy hoạch cũ), huyện Lang Chánh, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Đồng Lương và huyện Ngọc Lặc;
- Phía Tây giáp xã Trí Nang;
- Phía Nam giáp xã Giao An;
- Phía Bắc giáp các xã Đồng Lương và Tân Phúc.

1.2. Quy mô, diện tích điều chỉnh quy hoạch:

- Diện tích nghiên cứu quy hoạch 2.787,5 ha, bao gồm: Diện tích lập quy hoạch thị trấn Lang Chánh là 2.682 ha và diện tích cập nhật quy hoạch chung cũ tại xã Đồng Lương là 105,5 ha. Diện tích 105,5 ha này đã được phê duyệt tại quy hoạch chung năm 2009, cần cập nhật đảm bảo tính kế thừa trong quy hoạch đô thị và để quản lý về đầu tư và trật tự xây dựng.

- Diện tích mua bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 phục vụ lập quy hoạch là 2.787,5ha. Gồm: diện tích tự nhiên thị trấn Lang Chánh là 2.682 ha và diện tích cập nhật quy hoạch chung cũ tại xã Đồng Lương là 105,5 ha.

2. Tính chất đô thị

Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Lang Chánh.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản dự kiến

3.1. Quy mô dân số:

- Theo quy hoạch chung cũ phê duyệt tại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh: Hiện trạng năm 2009 (khu vực lập quy hoạch) là 4.758 người; đến năm 2025 là khoảng 10.000 người.

- Dân số hiện trạng năm 2019: khoảng 9.479 người;

- Dân số dự báo đến năm 2025: khoảng 12.000 người;

- Dân số dự báo đến năm 2035: khoảng 15.000 người.

(Quy mô dân số sẽ được xác định cụ thể trong bước lập quy hoạch. Dự báo về dân số, lao động, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và các nội dung kinh tế - xã hội khác phải dựa trên cơ sở chuỗi các số liệu với thời gian tối thiểu của 5 năm gần nhất và các chỉ tiêu, quy định, khống chế tại quy hoạch cao hơn. Dự báo dân số phải bao gồm cả dự báo dân số thường trú, dân số tạm trú và các thành phần dân số khác (dân số lưu trú, khách vắng lại được quy đổi).

3.2. Quy mô đất đai:

a) Quy mô đất đai theo quy hoạch chung cũ phê duyệt khoảng 550 ha, gồm: diện tích thị trấn Lang Chánh tại thời điểm phê duyệt là 267 ha; diện tích quy hoạch mở rộng là 283 ha (gồm một phần diện tích các xã: Quang Hiến là 177,5 ha; Đồng Lương là 105,5 ha).

b) Quy mô đất đai lập quy hoạch lần này: Diện tích nghiên cứu quy hoạch 2.787,5 ha, bao gồm: diện tích lập quy hoạch thị trấn Lang Chánh là 2.682 ha và diện tích cập nhật quy hoạch chung cũ tại xã Đồng Lương là 105,5 ha. Trong đó các chỉ tiêu dự kiến như sau:

* Đất xây dựng đô thị:

- Đất dân dụng toàn đô thị 78-96 m²/người:

+ Đất đơn vị ở: 50-55 m²/người;

+ Đất công trình công cộng, dịch vụ đô thị: 5-8 m²/người;

+ Đất cây xanh đô thị: 5-8 m²/người.

- Đất ngoài dân dụng: Quy mô các loại đất ngoài dân dụng phải được luận chứng, tính toán theo nhu cầu thực tế kết hợp với các quy hoạch chuyên ngành (gồm các loại đất: công nghiệp, kho tàng, trung tâm nghiên cứu, đào tạo, cơ quan, trung tâm y tế, du lịch, tôn giáo di tích, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh (cây xanh chuyên đề, trung tâm thể dục thể thao, đất cây xanh cách ly), an ninh quốc phòng, đất nghĩa trang, ...).

* Đất khác: theo thực tế sau khi đã tính toán cụ thể quy mô đất xây dựng đô thị (gồm các loại đất: lâm nghiệp, nông nghiệp, mặt nước).

(Quy mô các loại đất sẽ được tính toán cụ thể trong đồ án quy hoạch).

3.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu điện năng: tối thiểu 1.000 KWh/người/năm; phụ tải 330W/người;
- Cấp điện công nghiệp: 350 KW/ha;
- Cấp nước sinh hoạt: tối thiểu 80 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước tối thiểu 90%;
- Cấp nước công nghiệp: 30-45 m³/ha.ng.đ;
- Thoát nước thải: Tối thiểu 90% nước cấp; Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải thiết kế riêng biệt.
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,8 kg/ng/ngđ; Thu gom xử lý: 100%.

4. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch

- Trên cơ sở đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 01/12/2009, rà soát, phân tích, đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án.

- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.
- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.
- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.
- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.
- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

5. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản

5.1. Yêu cầu điều tra khảo sát địa hình: Hồ sơ địa hình tỷ lệ 1/10.000 phải đảm bảo theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội; Thông tư số 24/2018/TT- BTNMT ngày 15/11/2018 quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ.

5.2. Yêu cầu điều tra hiện trạng và thu thập tài liệu, số liệu:

- Các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật..., phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo. Số liệu phải được ghi rõ nguồn.

- Nguồn số liệu về đất đai, dân số, kinh tế xã hội,... phải được cập nhật từ niên giám thống kê mới nhất và từ các nguồn số liệu chính thức, có tính pháp lý.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

- Điều tra nghiên cứu đánh giá hiện trạng cần phân tích vị trí, vai trò, mối quan hệ tổng hợp của đô thị trong tổng thể các quy hoạch liên quan, đối với toàn huyện; Sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng đô thị về các mặt tự nhiên, xã hội, dân số, đất đai, môi trường, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố ảnh hưởng tới cấu trúc đô thị....từ đó xác định động lực chính phát triển của đô thị;

- Đánh giá quỹ đất phát triển đô thị trong khu vực lập quy hoạch. Khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi để phát triển đô thị.

- Rà soát đánh giá quá trình tổ chức xây dựng đô thị theo quy hoạch được duyệt năm 2009, chỉ ra những nội dung, chỉ tiêu của quy hoạch cũ (từ xác định tính chất đô thị, quy mô đô thị, đến việc tổ chức không gian và phân khu chức năng, tổ chức hạ tầng kỹ thuật đô thị...). Đánh giá những nội dung phù hợp và chưa phù hợp để đề xuất phương hướng bổ sung, điều chỉnh. Cập nhật các quy hoạch đã và đang triển khai trên địa bàn.

5.3. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích, các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và đánh giá môi trường chiến lược.

a) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị bao gồm:

- Hướng phát triển đô thị chủ yếu về hướng Tây Nam là khu vực trung tâm xã Quang Hiến cũ, khu vực có địa hình bằng phẳng, các khu vực dân cư tập trung, khu vực đồi núi thoải, khu vực ven các trục giao thông chính;

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: Khu chỉnh trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;

- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đối với từng khu chức năng;

- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị;

- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

b) Yêu cầu về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích.

- Tôn trọng các yếu tố cây xanh, mặt nước đã có trong đô thị, hạn chế tối thiểu việc san lấp đối với mặt nước.

- Đối với các di sản di tích đã được công nhận, cần có phương án khoanh vùng bảo vệ theo các quy định tại Luật di sản.

c) Yêu cầu các công trình hạ tầng xã hội đô thị.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Căn cứ quy mô dân số và những đặc điểm của đô thị, tính toán các chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội phù hợp các quy chuẩn hiện hành.

d) Yêu cầu các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cao độ xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

e) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược.

- Đánh giá hiện trạng:

- + Về môi trường tự nhiên đô thị về điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu;

- + Về chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn;

- + Về các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

f) Các yêu cầu khác:

Trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, đề nghị tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Lâm nghiệp,...); hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; cập nhật các quy hoạch, dự án trong khu vực lập quy hoạch.

- Đề nghị định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo đúng với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh

Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017; tỷ lệ đất dành cho giao thông đề nghị đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010.

6. Danh mục hồ sơ đồ án

6.1. Sản phẩm khảo sát địa hình: Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 để phục vụ lập đồ án quy hoạch phải được thẩm định, nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

6.2. Sản phẩm quy hoạch:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bản; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

+ Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp. - Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt của đồ án quy hoạch (phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan).

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

+ Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010).

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điều 35 Luật quy hoạch đô thị 2009, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016).

6.3. Các yêu cầu hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định in màu theo tỷ lệ thích hợp; số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tùy theo yêu cầu của hội nghị;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ in màu đúng tỷ lệ với đầy đủ thành phần kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in vừa khổ giấy A0 (chủ đầu tư 01 bộ, các cơ quan thẩm định, quản lý 03 bộ), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án bao gồm bản vẽ, thuyết minh và các văn bản liên quan.

7. Dự toán kinh phí thực hiện và nguồn vốn: Giao UBND huyện Lang Chánh căn cứ theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán lập quy hoạch. Nguồn vốn lập quy hoạch: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Cơ quan chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Lang Chánh.

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2020, đảm bảo yêu cầu tiến độ của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 07/02/2020 Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35%.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2020)QDPD_NV QHC TT Lang Chanh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm